

Bản án số: 189/2024/DS-ST

Ngày: 26 - 8 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Thiết Lập;
- Ông Nguyễn Thanh Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2024/TLST-DS ngày 29/5/2024 về tranh chấp hợp đồng góp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: 1. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim C: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ D, khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Hồ Văn D, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ E, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2024 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà Nguyễn Thị P có tham gia các dây hụi do bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Văn D làm chủ thảo hụi cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1, khai ngày 07/5/2022 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 22 phần, trong đó bà P tham gia 01 phần. Bà P đã đóng cho bà C được 21 kỳ thì bà C ngưng không gom hụi nữa (ngày ngưng gom hụi là ngày 07/12/2023 âm lịch), đến tháng 01/2023 (âm lịch) thì vợ chồng bà C tuyên bố bẽ hụi nhưng không giao tiền hụi cho bà P, số tiền bà P đóng 21 kỳ x 5.000.000 đồng = 105.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2, khai ngày 04/7/2023 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 24 phần, trong đó bà P tham gia 01 phần. Bà P đã đóng đến ngày 04/01/2024 (âm lịch) thì bà C ngưng không gom hụi nữa, bà P đã đóng được 7 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà P đóng 01 phần là 3.700.000 đồng x 7 kỳ = 25.900.000 đồng.

Do đó, bà P khởi kiện yêu cầu bà C, ông D trả số tiền hụi là 130.900.000 đồng. Đến ngày 09/8/2024 bà P xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim C cùng chồng là ông Hồ Văn D phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà P số tiền nợ hụi là 123.000.000 đồng, ngoài ra bà P không yêu cầu gì thêm.

Việc bà C làm thảo hụi thì ông D chồng bà C có biết vì bà C làm thảo hụi đến nay đã gần 10 năm, có một số lần bà P có đóng tiền hụi cho ông D nên ông D có biết bà C làm thảo hụi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kim C là bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị Kim C với ông Hồ Văn D sống chung vợ chồng năm 2001. Vào khoảng năm 2019 đến năm 2023 bà C tự ý làm chủ hụi cũng không bàn bạc với ông D, nên ông D hoàn toàn không biết về việc thảo hụi. Bà C và ông D sống chung vợ chồng không có phát sinh tài sản chung, việc chi tiêu trong gia đình do ông D làm ra, bà C không đóng góp khoản tiền nào cho gia đình. Khi bà C làm hụi hưởng tiền cò không đưa cho ông D, nên ông D không liên quan. Giữa bà P với bà C có tham gia các dây hụi cụ thể:

Bà C thừa nhận bà P có tham gia 02 dây hụi tháng cụ thể, D1 hụi thứ 1, khai ngày 07/5/2022 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 22 phần, trong đó bà P tham gia 01 phần và Dây hụi thứ 2, khai ngày 04/7/2023 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 24 phần, trong đó bà P tham gia 01 phần.

Nay bà P khởi kiện yêu cầu bà C và ông D chồng bà C cùng trả số tiền là 123.000.000 đồng thì bà C cũng đồng ý, ngoài ra bà C không trình bày gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 03/7/2024, bị đơn ông Hồ Văn D trình bày:

Ông **D** và bà **Nguyễn Thị Kim C** là vợ chồng, chung sống với nhau vào năm 2001, ông **D** là người làm ra tiền đủ để trang trải cuộc sống, chăm lo cho cả gia đình, vợ, con. Vợ ông **D** làm chủ hội thì ông **D** hoàn toàn không biết, khi bà **P** tham gia góp hội ông **D** cũng không biết và không ký tên thu gom tiền hội bao giờ.

Nay bà **P** khởi kiện yêu cầu ông **D** và bà **C** cùng trả số tiền hội thì ông **D** không đồng ý trả khoản tiền hội nào cho bà **P**. Bởi vì ông **D** không nợ tiền hội của bà **P**, nên ông **D** không liên quan.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 về họ, hội, biểu, phò; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **P**, buộc bà **C**, ông **D** có nghĩa vụ trả cho bà **P** số tiền hội là 123.000.000 đồng.

- Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị P** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà **Nguyễn Thị Kim C** vắng mặt, Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà **Nguyễn Thị H** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn là ông **Hồ Văn D** vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà **Nguyễn Thị P** có tham gia 02 dây hội tháng do bà **Nguyễn Thị Kim C** làm chủ hội gồm: Dây hội thứ 1, khai ngày 07/5/2022 (âm lịch), hội 5.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 22 phần, trong đó bà **P** tham gia 01 phần. Bà **P** đã đóng cho bà **C** được 21 kỳ thì bà **C** ngưng không gom hội nữa (ngày ngưng gom hội là ngày 07/12/2023 âm lịch), đến tháng 01/2023

(âm lịch) thì vợ chồng bà C tuyên bố bế hụi nhưng không giao tiền hụi cho bà P, số tiền bà P đóng 21 kỳ x 5.000.000 đồng = 105.000.000 đồng; Dây hụi thứ 2, khai ngày 04/7/2023 (âm lịch), hụi 5.000.000 đồng, một tháng khai 01 lần, gồm 24 phân, trong đó bà P tham gia 01 phân. Bà P đã đóng đến ngày 04/01/2024 (âm lịch) thì bà C ngưng không gom hụi nữa, bà P đã đóng được 7 kỳ, trung bình mỗi kỳ bà P đóng 01 phân là 3.700.000 đồng x 7 kỳ = 25.900.000 đồng. Tháng 01 năm 2024 (âm lịch) bà C tuyên bố bế hụi nhưng đến nay vẫn chưa trả tiền lại cho bà P nên bà P khởi kiện yêu cầu bà C và ông D có nghĩa vụ trả lại cho bà P số tiền hụi tổng cộng là 130.900.000 đồng, đến ngày 09/8/2024 bà P xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà P yêu cầu bà C và ông D trả cho bà P số tiền 123.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà C đồng ý trả lại cho bà P số tiền 123.000.000 đồng. Ông D không đồng ý trả cho bà P số tiền 123.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P, thấy rằng: Việc bà Nguyễn Thị Kim C có mở các dây hụi tháng và bà Nguyễn Thị P có tham gia các dây hụi tháng này là có thật. Khi mở hụi, bà C có lập danh sách hụi và giao cho các hụi viên. Căn cứ vào Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để xác định số tiền hụi thực tế bà P đã đóng cho bà C của 02 dây hụi là 123.000.000 đồng. Đến nay, bà P vẫn chưa được lĩnh hụi do bà C chưa giao tiền hụi cho bà P, nay bà C cũng đồng ý trả cho bà P số tiền 123.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Xét yêu cầu của bà P về việc yêu cầu ông D (chồng bà C) cùng có trách nhiệm trả số tiền hụi là 123.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Văn D là vợ chồng, sống cùng nhà với nhau tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Bà C làm thảo hụi trong một khoảng thời gian dài (bà C trình bày từ năm 2019 đến tháng 01/2024 thì bế hụi), có một số lần bà P cũng đóng tiền hụi cho ông D nên Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu ông D cùng có trách nhiệm với bà C trả cho bà P số tiền hụi là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Từ những nhận định trên, cần buộc bà C và ông D có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền hụi là 123.000.000 đồng là phù hợp với Điều 471 của Bộ luật Dân sự và Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận, bà P không yêu cầu tính tiền lãi.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Bà P không phải chịu và được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà C và ông D phải chịu 6.150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình các Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị P đối với bà Nguyễn Thị Kim C, ông Hồ Văn D về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền hụi là 123.000.000 (một trăm hai mươi ba triệu) đồng. Ghi nhận, bà Nguyễn Thị P không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Văn D không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Văn D còn phải trả cho người được thi hành án bà Nguyễn Thị P số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị P không phải chịu và được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Hồ Văn D phải chịu 6.150.000 (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H. Tân Châu;
- THA-DS Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Cường

